

Số: 23 /2024/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 06 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định một số nội dung quản lý Nhà nước
về giá trên địa bàn tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí đảm bảo cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số 456/TTr-STC ngày 27 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Yên Bái; bãi bỏ Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định về thẩm định giá nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thẩm định giá nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra VB);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, TKTH, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn

QUY ĐỊNH

Một số nội dung quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Yên Bái
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này Quy định một số nội dung quản lý Nhà nước về giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái.

2. Những nội dung quản lý nhà nước về giá không quy định tại Quy định này thì áp dụng theo quy định của Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước về giá, thẩm định giá

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về giá ở địa phương; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi quản lý; tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực, phạm vi quản lý; thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn có liên quan về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực về giá theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực, phạm vi quản lý; Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; Nhiệm vụ, quyền hạn có liên quan về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*viết tắt Ủy ban nhân dân cấp huyện*)

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với từng cơ quan, đơn vị chuyên môn theo ngành, lĩnh vực, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; Giải quyết khiếu nại, tố cáo về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 4. Bình ổn giá

1. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với các mặt hàng cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp bình ổn giá phù hợp với quy định của pháp luật để bình ổn giá; tham mưu trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải kê khai giá trên cơ sở đề xuất của các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Trong trường hợp mặt bằng giá thị trường hàng hóa dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá có biến động bất thường tại địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá năm 2023: Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá trên cơ sở đề xuất của các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Yên Bái phối hợp với các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện đối với biện pháp tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật để bình ổn giá.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Điều 5. Định giá

1. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này.

2. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể để đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh: Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng chịu trách nhiệm thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá; trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên giao các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện.

3. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện; cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công về việc xây dựng phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

4. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

5. Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá, trước khi trình UBND tỉnh định giá có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo phương án giá đến Sở Tài chính xin ý kiến, Sở Tài chính rà soát bảo đảm phù hợp về trình tự, thủ tục ban hành phương án giá, khả năng cân đối của Ngân sách địa phương và có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan thẩm định.

6. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp chưa có quy định thì các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về giá thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ theo quy định.

Điều 6. Kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện kê khai giá và cơ quan tiếp nhận kê khai giá được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này.

Cơ quan tiếp nhận kê khai giá thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

a) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp chưa có quy định thì các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ theo quy định;

b) Cơ quan có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù phải kê khai giá tại địa phương được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này.

3. Đối tượng thực hiện kê khai giá

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công tiếp nhận kê khai giá quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát tổng thể để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đăng tải danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá trong các trường hợp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá năm 2023. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý chuyên ngành về bình ổn giá, định giá, kê khai giá theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 4, 5 và Điều 6 của Quy định này.

Mục 2

THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 8. Thẩm định giá của Nhà nước

1. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá năm 2023 về thẩm định giá của Nhà nước.

2. Các nội dung quy định về Hội đồng thẩm định giá; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định giá; quyền và nghĩa vụ của hội đồng thẩm định giá; quyền và nghĩa vụ của thành viên hội đồng thẩm định giá; thông báo kết quả thẩm định giá và báo cáo thực hiện thẩm định giá; chi phí thẩm định giá; hồ sơ thẩm định giá của Nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 60, 61, 62, 63, 64, 65 và Điều 66 Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá năm 2023 về thẩm định giá.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt giá: Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo nhiệm vụ, thẩm quyền được giao. Việc thực hiện thẩm định giá của Nhà nước phải bảo đảm các quy định pháp luật về giá.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị thẩm định giá của Nhà nước

Hồ sơ đề nghị thẩm định giá của nhà nước gửi đến cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét quyết định, phê duyệt giá gồm:

1. Văn bản đề nghị thẩm định giá.
2. Văn bản giao nhiệm vụ bán, thanh lý, cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển giao tài sản công hoặc mua, đi thuê hàng hóa, dịch vụ, tài sản có sử dụng vốn nhà nước.
3. Thông tin, tài liệu về tài sản cần thẩm định giá kèm theo tài liệu có liên quan; chứng thư, báo cáo kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan đến việc thẩm định giá (nếu có).

Mục 3

KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 10. Phạm vi kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính

a) Kiểm tra các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quy định này;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá đối với các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, cơ quan mình theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 quy định tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 quy định này.

a) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 10 quy định này.

Sở Tài chính, các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra và ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Mục 4

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 12. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

1. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường:

a) Sở Tài chính;

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường tại Điều 13, Điều 14 Quy định này;

c) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền theo phân công được giao.

3. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Giá năm 2023; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II và theo mẫu Báo cáo giá thị trường quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (*Viết tắt Thông tư số 29/2024/TT-BTC*).

Điều 13. Báo cáo giá thị trường định kỳ

1. Sở Tài chính xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương gửi báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15; khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ

a) Sở Công Thương

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng Thóc tẻ, gạo tẻ; Đường ăn thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Sở Y tế

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

d) Sở Xây dựng

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt trừ mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

đ) Sở Giao thông Vận tải

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên

địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

g) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

h) Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

i) Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn huyện quản lý đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

3. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

Điều 14. Báo cáo giá thị trường đột xuất

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương để

gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính Phủ, Thủ tướng Chính Phủ khi có yêu cầu.

2. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tham mưu UBND tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính Phủ, Thủ tướng Chính Phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý để gửi báo cáo đột xuất cho Sở Tài chính tổng hợp theo quy định; gửi báo cáo đột xuất cho các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực khi có yêu cầu.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Mục 5

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 15. Xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 16. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban

hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 17. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

e) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu;

b) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

d) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chủ trì tham mưu;

b) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Điều khoản thi hành

Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

2. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
A	Định khung giá		
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
B	Định giá tối đa		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
C	Định giá cụ thể		
I	Định giá cụ thể theo khung giá của Bộ Tài chính		
1	Nước sạch		
	- Nước sạch đô thị	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
	- Nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II	Định giá cụ thể theo giá tối đa của Bộ Y tế		
1	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
2	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
III	Định giá cụ thể		
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Dịch vụ nghỉ trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
10	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương	Sở Công Thương
D	Theo lĩnh vực định khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực

Phụ lục II

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hoá dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm		Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng		
1	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Sở Giao thông vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý		Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô		Sở Giao thông vận tải
8	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt		Sở Xây dựng
9	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng		Sở Tư pháp
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng		Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư		Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)		Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng		Sở Công Thương

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hoá dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
5	Than		Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính		Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm		Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Giao thông vận tải
13	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
14	Thiết bị y tế		Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế
17	Dịch vụ viễn thông		Sở Thông tin và Truyền thông
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hoá thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hoá thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương	Sở Công Thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường